

HIỆN TRẠNG KỸ THUẬT VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGHỀ NUÔI NGAO GIÀ (*Tapes conspersus*) Ở HUYỆN VÂN ĐỒN, TỈNH QUẢNG NINH

Thái Thanh Bình¹, Trần Ngọc Anh²

TÓM TẮT

Vân Đồn là huyện đảo của tỉnh Quảng Ninh có tiềm năng lớn về nuôi nhuyễn thể. Ngao già hay còn được gọi là ngao hai cùi (*Tapes conspersus* Gmelin, 1791) là đối tượng nuôi mới và có giá trị kinh tế ở huyện Vân Đồn. Bài báo trình bày kết quả điều tra hiện trạng kỹ thuật nuôi ngao già tại huyện Vân Đồn. Hầu hết các hộ nuôi cho rằng chưa có qui trình công nghệ nuôi ngao già được công bố, các hộ nuôi ngao chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi tu hải để áp dụng nuôi ngao già. Ngao được nuôi trong lồng nhựa hình tròn hoặc bầu đục có chứa cát xốp. Các lồng nuôi ngao già được đặt ở bãi dưới triều, quanh các đảo. Diện tích trung bình mỗi hộ nuôi ngao già là $2,0 \pm 1,42$ ha/hộ với 20.000-70.000 lồng/hộ, mật độ nuôi 60-100 con/lồng. Trên 96% giống ngao ở Vân Đồn được nhập từ tỉnh Khánh Hòa và Trung Quốc, với cỡ giống thả 0,8-1,2 cm/con. Thời gian nuôi 11-15 tháng/vụ, cỡ thương phẩm ngao già 25-30 con/kg. Tỷ lệ sống đạt trung bình 61,02%. Ngao già thương phẩm chủ yếu được bán cho Trung Quốc, một phần được tiêu thụ ở thị trường nội địa. Nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp phát triển ngao già ở Vân Đồn theo hướng bền vững.

Từ khóa: Ngao già, Vân Đồn, kỹ thuật nuôi nhuyễn thể.

1. BỐI CẢNH

Vân Đồn là huyện đảo của tỉnh Quảng Ninh, có tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản biển bậc nhất ở miền Bắc nước ta. Với diện tích trên 8.900 ha mặt biển, có trên 200 hòn đảo lớn, nhỏ trải dài gần 50 km từ Bắc xuống Nam, tạo ra nhiều vùng vịnh kín, trướng cát, bãi nông... Vân Đồn có điều kiện thuận lợi cho phát triển nghề nuôi nhuyễn thể như hầu Thái Bình Dương, tu hải (UBND tỉnh Quảng Ninh, 2016).

Trước đây, phong trào nuôi tu hải ở Vân Đồn phát triển rất mạnh. Tuy nhiên, từ năm 2011 đến nay dịch bệnh bùng phát gây ra thiệt hại lớn cho bà con ngư dân nên từ năm 2013, người dân tự phát dịch chuyển sang nuôi ngao già hay còn được gọi là con ngao hai cùi (Hình 1) thay thế cho tu hải. Đây được coi là nghề nuôi nhuyễn thể mới mang lại lợi nhuận cao.



Hình 1. Ngao già (*Tapes conspersus* Gmelin, 1791) được nuôi ở Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh

Diện tích nuôi ngao già tại huyện Vân Đồn đã lên đến hàng trăm ha với 274 hộ tham gia nuôi. Hiện nay ngao già có giá 65.000-80.000 đồng/kg. Nghề nuôi ngao già đã giúp hàng trăm hộ dân tại các xã đảo của huyện Vân Đồn thoát nghèo và trở nên giàu có với mức thu nhập hàng trăm triệu đồng, thậm chí hàng tỷ đồng mỗi năm (Phòng NN&PTNT huyện Vân Đồn, 2017). Tuy nhiên, công tác quản lý, chuẩn bị đầu tư các nguồn lực cần thiết chưa theo kịp tốc độ phát triển cực kỳ nhanh chóng đang đẩy nghề nuôi ngao già của huyện Vân Đồn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Việc phát triển công nghệ đối tượng nuôi này có thể gây khó khăn trong công tác quản lý dịch bệnh, nguy cơ bùng nổ đại dịch như đã từng xảy ra với đối tượng nuôi tu hải là không hề nhỏ. Trước tình hình đó, việc nghiên cứu đánh giá một cách đầy đủ, khoa học về hiện trạng nhằm tìm ra những giải pháp góp phần ổn định và phát triển bền vững nghề nuôi ngao già ở Vân Đồn nói riêng và tỉnh Quảng Ninh nói chung là thực sự cần thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện trong năm 2018 nhằm điều tra hiện trạng kỹ thuật của nghề nuôi ngao già tại huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Số liệu sơ cấp về hiện trạng nghề ngao già được thu từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) tỉnh Quảng Ninh, Phòng NN&PTNT huyện Vân Đồn. Số liệu thứ cấp được thu thập thông qua phương pháp đánh giá nhanh nông thôn (RRA)

¹ Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật và Thủy sản
² Khoa Thủy sản, Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Email: ttbinh@cdts.edu.vn

và phương pháp điều tra qua phiếu (QS) (Groves và *ctv.*, 2004).

Theo báo cáo của Phòng NN&PTNT huyện Văn Đồn, toàn huyện có 274 hộ nuôi ngao giá thuộc 5 địa điểm: thị trấn Cai Rồng, các xã: Đông Xá, Thăng Lợi, Bản Sen và Ngọc Vũng. Số mẫu điều tra cho mỗi vùng nuôi trong nghiên cứu này được tính toán theo công thức của Yamane (1967) với tổng số hộ được điều tra là 151/274 phân bố cho các địa điểm như sau: thị trấn Cai Rồng (45/88), Đông Xá (24/43), Thăng Lợi (35/63), Bản Sen (25/45) và Ngọc Vũng (19/35). Những thông tin chính được thu thập gồm: Các dụng cụ thiết bị nuôi, tiêu chí lựa chọn giống thả, kỹ thuật chăm sóc và quản lý, bệnh và phòng bệnh.

Số lượng mẫu điều tra được tính toán ngẫu nhiên bằng hàm phân bố ngẫu nhiên Rand trong MS Excel 2010. Phương pháp thống kê mô tả được áp dụng để xử lý số liệu của nghiên cứu trên phần mềm MS Excel 2010.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Hiện trạng nghề nuôi ngao giá tại huyện Văn Đồn

Kết quả điều tra ngẫu nhiên 151 hộ nuôi ngao giá năm 2018 cho thấy, 100% các hộ được điều tra cho rằng chưa được tập huấn hoặc chuyển giao công nghệ nuôi ngao giá. Nghề nuôi ngao ở Văn Đồn là do người dân tự phát, kỹ thuật nuôi chủ yếu dựa vào kinh nghiệm nuôi tu hàu của các năm trước đây để áp dụng cho nuôi ngao giá.

3.1.1. Diện tích và chọn bãi nuôi

Bảng 1. Diện tích trung bình nuôi ngao giá của các hộ ở Văn Đồn

STT	Xã/Thị trấn	Số hộ nuôi	Diện tích (ha)	Trung bình (ha)
1	Cai Rồng	88	248,3	2,8
2	Đông Xá	43	91	2,1
3	Thăng Lợi	63	97,2	1,5
4	Bản Sen	45	96,5	2,1
5	Ngọc Vũng	35	47,4	1,4
	Tổng cộng:	274	580,4	2 ± 1,42

Ghi chú: * độ lệch chuẩn

Ngao giá được nuôi trong lòng nhựa và đặt ở vùng dưới triều. Bãi triều để đặt lồng nuôi thường có nền đáy là cát bùn và bằng phẳng, ít sụt lún ngập nước quanh năm và có thể đặt sâu 4-5 m, khi thủy triều thấp nhất độ sâu mực nước nơi nuôi ngao giá vẫn lớn hơn 0,5 m, độ mặn dao động 20-31‰, tốc độ dòng chảy 0,1-3 m/s.

Tổng diện tích nuôi ngao giá tại huyện Văn Đồn là 581,4 ha (Phòng NN&PTNT huyện Văn Đồn, 2017). Tình chung toàn huyện, qui mô nuôi ngao giá trung bình của các hộ là $2,0 \pm 1,42$ ha/hộ. Các hộ ở thị trấn Cai Rồng nuôi diện tích lớn nhất trung bình là 2,8 ha/hộ và các hộ ở xã Ngọc Vũng nuôi với qui mô trung bình thấp nhất là 1,4 ha/hộ (Bảng 1).

3.1.2. Chuẩn bị lồng nuôi

Lồng nuôi ngao giá được làm bằng nhựa có dạng hình bầu dục (dài x rộng x cao = 50 x 35 x 27 cm) có lưới lót đáy lồng hoặc hình tròn (đường kính x chiều cao = 40 x 27 cm); lồng tròn không cần lưới lót. Lồng bầu dục và lồng tròn đều có nắp lưới đáy mặt lồng. Các lồng nhựa này có chiều cao thấp hơn lồng nuôi tu hàu thương phẩm 3 cm (Thiều Văn Thành, 2013).

3.1.3. Nguồn giống và thả giống

Theo thống kê của Phòng NN&PTNT huyện Văn Đồn (2017), nhu cầu con giống ngao giá ngày càng tăng cao, dao động 1-1,3 tỷ con giống/năm. Tuy nhiên ở huyện Văn Đồn chỉ có một trại giống ở xã Thăng Lợi có công suất 3-5 triệu con giống/năm nhưng năm 2018 đã không sản xuất. Trên địa bàn Quảng Ninh còn có Cơ sở II của Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản sản xuất 5-7 triệu con giống/năm. Do đó giống ngao giá chủ yếu nhập từ các trại giống ở Nha Trang (Khánh Hòa) và Trung Quốc. Điều đáng chú ý là nhiều hộ nuôi ngao chưa quan tâm đến chất lượng con giống, có tới 81,5% hộ nuôi không kiểm tra bệnh ngao giá giống trước khi thả. Trong số 18,5% số hộ có kiểm tra chất lượng giống, nhưng các phương pháp kiểm tra chỉ bằng cảm quan, dựa trên kinh nghiệm bản thân,... Do đó, chất lượng ngao giá giống không được đánh giá đầy đủ, nhất là trong các trường hợp cảm nhiễm các tác nhân vi rút, vi khuẩn, nấm và ký sinh trùng.

Mua vụ thả giống ngao giá ở Văn Đồn thường bắt đầu từ tháng 5 - 9 hàng năm. Kết quả điều tra cho thấy thời gian nuôi ngao giá 10-15 tháng/vụ, trung bình là 12,4 tháng/vụ. Địa phương có thời gian nuôi ngao giá dài ngày nhất là xã Thăng Lợi (15 tháng/vụ), ngắn nhất là xã Đông Xá (10 tháng/vụ) (Bảng 2).

Ngao giống thả là giống cấp II, kích cỡ đồng đều dao động 0,8-1,2 cm. Giống có màu sắc tươi sáng đặc trưng cho loài. Cách kiểm tra con giống khỏe mạnh là thả con giống vào chậu nước sau 2-3 phút thấy có hoạt động mở miệng và thở vọt hắt ra ngoài, phản ứng vọt nhanh nhanh nhẹn với tiếng động khi gõ vào thành dụng cụ chứa.

Thả giống:

Các hộ thường xúc cát vào lồng nuôi với độ dày 18-20 cm, che lưới mặt lồng nuôi và chuyển lồng nuôi xếp trên bè công tác. Kéo bè công tác ra vị trí thả lồng. Giống ngao giá đưa về được treo bằng lồng nuôi trên bè công tác. Dùng chén nhỏ múc giống thả và rắc đều trên mặt lồng nuôi hoặc để giữa lồng theo mật độ đã xác định (80-100 con/lồng bầu dục và 60-70 con/lồng tròn). Lồng được đưa xuống đáy bãi nuôi bằng cách dùng dây treo có móc sắt mắc vào 2 bên sườn lồng và đưa từ từ lồng xuống đáy bãi nuôi. Người lặn dưới đáy bãi đỡ và đặt lồng thành hàng dưới đáy bãi nuôi.

Kết quả điều tra cho thấy có 93,4% hộ nuôi trả lời chưa quan tâm đến số lượng lồng đặt nuôi/ha, số lượng lồng nuôi chủ yếu đưa vào khả năng tài chính đầu tư nuôi ngao của từng hộ. Các hộ cho biết những năm đầu thả ngao giá chỉ sau từ 10-11 tháng ngao đạt cỡ thương phẩm và có thể thu hoạch nhưng hiện nay thời gian nuôi phải kéo dài hơn mới đạt được cỡ thương phẩm. Điều này có thể là hệ lụy của việc phát triển nuôi ngao giá bùng phát ở Vân Đồn làm môi trường thay đổi, thức ăn trong vùng nuôi cho ngao giá bị giảm mạnh dẫn đến ngao chậm lớn nên thời gian nuôi phải kéo dài.

Bảng 2. Hiện trạng kỹ thuật nuôi ngao giá ở huyện Vân Đồn năm 2018

Các chỉ tiêu	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình ± SD
Kinh nghiệm nuôi (năm)	2	5	2,43 ± 0,3
Diện tích nuôi (ha/hộ)	0,3	9	2,0 ± 1,42
Kích cỡ giống (con/kg)	2.500	3.000	2.731 ± 327
Mật độ (con/ lồng)	60	100	72
Số lồng nuôi (lồng/hộ)	20.000	70.000	44.000
Thời gian nuôi (tháng)	10	15	12,36 ± 1,22
Cỡ ngao thu hoạch (con/kg)	25	30	27 ± 1,04
Năng suất (kg/lồng/vụ)	1,3	2,4	1,94
Tỉ lệ sống (%)	57,4	75,1	61,02
Sản lượng (tấn/hộ/vụ)	38,8	135,8	85,36

Kết quả điều tra cho thấy, mật độ nuôi ngao giá giao động 60-100 con/lồng, trung bình là 72 con/lồng và mỗi vụ các hộ nuôi 2-7 vạn lồng (trung bình 4,4 vạn lồng/hộ), tương đương 18.107 lồng/ha. Địa phương có các hộ nuôi lớn nhất là thị trấn Cái Rồng, tiếp đến là xã Đông Xá và thấp nhất là xã Bản Sen.

3.1.4. Chăm sóc và quản lý

Do ngao giá là đối tượng ăn lọc, kỹ thuật nuôi khá đơn giản, hầu như chưa thấy bệnh dịch xuất hiện ở Vân Đồn. Tuy nhiên ngao giá được nuôi trong hệ thống hồ, việc áp dụng các biện pháp quản lý, chăm sóc nhằm nâng cao tỷ lệ sống, tốc độ tăng trưởng và giảm thiểu khả năng mắc bệnh dịch gặp nhiều khó khăn. Nguy cơ xảy ra dịch bệnh như tu hải rất cao.

Kết quả điều tra cho thấy, các hộ nuôi ngao giá có hiệu quả (81,5% trả lời) đã sử dụng các biện pháp quản lý, chăm sóc đối với ngao giá chủ yếu: Lựa chọn địa điểm nuôi phù hợp; vệ sinh, dọn sạch cỏ rác, rong tạt; lựa chọn con giống đảm bảo tiêu chuẩn: màu sắc tươi sáng tự nhiên, kích cỡ đồng đều, khỏe mạnh, vỏ không đập vỡ, tỷ lệ dị hình thấp, xuất xứ nguồn gốc rõ ràng; thả giống đúng thời vụ; thường xuyên kiểm

tra ngao giá nuôi, đặc biệt trước và sau những biến đổi bất thường của thời tiết (mưa bão, nắng nóng kéo dài...); định kỳ kiểm tra tốc độ lớn của ngao giá; thường xuyên kiểm tra lồng, lưới, bè nuôi, hệ thống phao nổi, neo bè... để kịp thời sửa chữa, thay thế; làm tốt công tác trông coi, bảo vệ nhất là thời điểm ngao giá sắp đến kỳ thu hoạch và đảm bảo an toàn cho lồng, bè.

Tuy nhiên, một số hộ dân (18,5%) do điểm nuôi lựa chọn không đảm bảo kín gió, trước những kỳ bão lớn thường di chuyển bè nuôi đến nơi an toàn. Với hình thức nuôi lồng đặt bãi, những hộ nuôi ít, có thể di chuyển những lồng đặt phía trên cao xuống nơi thấp hơn để tránh ảnh hưởng của nước mưa. Những hộ nuôi ngao giá có hiệu quả thấp do thả giống kém chất lượng (10,6%), ít kiểm tra và vệ sinh lồng nuôi (7,9%).

3.1.5. Thu hoạch

Sau 10-15 tháng nuôi ngao giá đạt cỡ 25-30 con/kg (30-40 g/con) có thể thu hoạch. Năng suất đạt 1,3-2,4 kg/lồng, trung bình đạt 1,94 kg/lồng, tương đương 42,7 tấn/ha. Năng suất ngao giá cao hơn nhiều lần so với ngao Bến Tre. Theo Bùi Đức

Thuyết và Trần Văn Dũng (2013), năng suất nuôi ngao Bến Tre ở tỉnh Quảng Ninh chỉ đạt 0,6±1,1 tấn/ha.

Theo kết quả điều tra tỷ lệ sống của ngao giá nuôi thương phẩm dao động 57,4 - 75,1% Tuy nhiên theo người nuôi ngao giá cho biết, tỷ lệ sống của ngao giá ngày càng giảm do chất lượng giống kém, không được kiểm soát, môi trường ngày càng ô nhiễm và do lợi nhuận cao nên số hộ nuôi ngao ngày càng tăng.

3.1.6. Sơ bộ đánh giá hiệu quả nuôi ngao giá

Tất cả những người dân được hỏi đều trả lời nuôi ngao giá có lãi và lãi cao hơn nhiều nghề khác. Hạch toán cho 1 ha nuôi ngao giá được trình bày ở bảng 3 và hình 2.

Tổng chi phí cho 1 ha nuôi ngao giá là 1.325.765.250 đồng trong đó chi phí lớn nhất là ngao giống chiếm 48% tiếp đến là chi phí mua lồng nuôi là 21%. Các chi phí khác bao gồm thuê thuyền, thợ lặn và lãi suất ngân hàng là 10%. Tổng doanh thu cho mô hình nuôi 01 ha ngao giá là 2.508.000.000 đồng và lợi nhuận

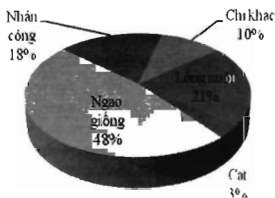
là 1.182.234.750 đồng, tỷ suất lợi nhuận là 47,1%.

Nghề nuôi nhuyễn thể không cần cho ăn nhưng chi phí giống lớn nhất. Theo nghiên cứu của Huỳnh Văn Hiến và Lê Xuân Sinh (2014) chi phí giống cho 1 ha nuôi ngao Bến Tre (*Mereux lyrata*) ở bãi triều chiếm 80% tổng chi phí, nhưng chi thu lãi 79 triệu đồng/ha/vụ/cơ sở sản xuất. Lê Văn Khôi và Lê Thanh Ghi (2015) cũng công bố, chi phí con giống chiếm 30,2% - 49,5% tổng chi phí khi nuôi ngao Bến Tre trong ao đất. Đối với nuôi ngao giá, tổng thu là 198,4 ± 19,1 triệu đồng/ha/vụ. Lợi nhuận trung bình của các hộ nuôi là 94,8 ± 16,0 triệu đồng/ha/vụ. Như vậy so với nuôi ngao Bến Tre thì nuôi ngao giá cho hiệu quả kinh tế cao hơn.

Theo Thiệu Văn Thanh (2013) lợi nhuận nuôi tu hải thương phẩm ở hình thức nuôi bãi là 62% và nuôi trong lồng là 65%, cho thấy lợi nhuận cao hơn nuôi ngao giá. Tuy nhiên những năm gần đây nghề nuôi tu hải kém phát triển do dịch bệnh xảy ra thường xuyên. Các hộ nuôi tu hải trước đây ở Văn Đồn đều đã chuyển sang nuôi ngao giá.

Bảng 3. Hạch toán cho mô hình một ha nuôi ngao giá ở huyện Văn Đồn

Các khoản chi và thu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
A. Khoản chi				1.325.765.250
Lồng nuôi (khấu hao 50%)	Chiếc	22.000	26.000	286.000.000
Cát	m ³	550	150.000	41.250.000
Ngao giống	Con	1.584.000	400	633.600.000
Nhân công	Công	780	300.000	234.000.000
Chi khác	Chuyến	10	2.000.000	130.915.250
B. Khoản thu				2.508.000.000
Ngao giá	Kg	41.800	60.000	2.508.000.000
Lợi nhuận (A-B)				1.182.234.750
Tỷ suất lợi nhuận	%			47,1



Hình 2. Cơ cấu chi phí sản xuất trong nuôi ngao giá ở huyện Văn Đồn

3.2. Những thuận lợi và khó khăn của nghề nuôi ngao giá ở huyện Văn Đồn

Nghề nuôi ngao giá ở Văn Đồn được phát triển trong vòng 5 năm gần đây có những thuận lợi chính là thiên nhiên ưu đãi cho Văn Đồn có diện tích mặt biển lớn, điều kiện môi trường giàu dinh dưỡng thuận lợi cho phát triển nuôi ngao giá. Diện tích mặt nước nuôi hầu như chưa phải trả phí (96,7%). Nuôi ngao giá không phải cho ăn, người lao động chủ yếu thả giống và trông coi nên kỹ thuật nuôi đơn giản (97,4%). Giá ngao tương đối ổn định so với các mặt hàng thủy sản khác (55%). Tình hình an ninh ở vùng nuôi tương đối tốt, chưa có hiện tượng trộm ngao giá

của người nuôi (90,7%) (Bảng 4). Tuy nhiên nghề nuôi ngao giá ở huyện Vân Đồn còn gặp phải một số khó khăn: Nguồn giống chủ yếu nhập từ địa phương khác nên bị động và không kiểm soát được chất lượng (84,1%); vốn cho sản xuất chưa chủ động (68,2%); do là loài thủy sản mới, thị trường tiêu thụ ngao giá còn hạn chế (88,1%). Ngao giá hiện nay chủ yếu tiêu thụ ở dạng ngao tươi sống và tập trung ở thị trường Trung Quốc, một phần tiêu thụ trong nước. Ngoài ra, người nuôi còn nhận thấy nghề nuôi ngao giá còn gặp các khó khăn khác như: Cát xối dúng cho nuôi ngao giá ngày càng khan hiếm; mật độ nuôi ngao ngày càng dày làm ngao chậm lớn; có sự tranh chấp vùng nuôi; nguy cơ xảy ra dịch bệnh giống như nghề nuôi tu hải trước đây cao; thị trường Trung Quốc đòi hỏi chặt chẽ hơn về truy xuất nguồn gốc sản phẩm (40,4%).

Bảng 4. Những thuận lợi và khó khăn trong nghề nuôi ngao giá ở huyện Vân Đồn

Các yếu tố	Số hộ	Tỷ lệ (%)
Thuận lợi của nghề nuôi ngao giá		
Diện tích mặt nước không phải trả phí	102	67,5
Kỹ thuật đơn giản ít tốn công chăm sóc	147	97,4
Giá cả ổn định	83	55,0
Tình hình an ninh tốt	137	90,7
Thuận lợi khác	52	34,4
Khó khăn của nghề nuôi ngao giá		
Nguồn giống bị động, chất lượng khó kiểm soát	127	84,1
Vốn chưa chủ động	103	68,2
Thị trường tiêu thụ còn hạn chế	133	88,1
Khó khăn khác	61	40,4

3.3. Một số giải pháp phát triển nghề nuôi ngao giá theo hướng bền vững tại huyện Vân Đồn

Để nghề nuôi tu hải của huyện Vân Đồn phát triển theo hướng bền vững cần thực hiện đồng bộ các giải pháp như: Tỉnh Quảng Ninh cần có quy hoạch vùng nuôi ngao giá an toàn, trong đó cần chú trọng đánh giá sức tải môi trường để phát triển vùng nuôi an toàn, bền vững; xây dựng các mô hình sản

xuất ngao giá theo chuỗi; nghiên cứu và ban hành qui trình công nghệ nuôi ngao giá; xây dựng trại sản xuất giống cung cấp giống có chất lượng tốt, giá thành hạ cho người nuôi; lựa chọn mùa vụ thả giống thích hợp và kích cỡ ngao giống phù hợp để ngao giá có thể thích nghi phát triển tốt, không nên nuôi ngao với mật độ quá dày (mật độ phù hợp <70 con/lồng); định kỳ vệ sinh lồng nuôi. Tăng cường quan trắc cảnh báo môi trường vùng nuôi để tránh các diễn biến xấu của môi trường nuôi; nghiên cứu các sản phẩm chế biến từ ngao giá; xây dựng thương hiệu ngao giá và tăng cường quảng bá sản phẩm của địa phương.

Qua điều tra 151/274 hộ nuôi ngao ở huyện Vân Đồn cho thấy 97,8% các hộ nuôi này vẫn tiếp tục đầu tư để mở rộng nuôi ngao giá tại địa phương trong các năm tiếp theo. Do đó các cơ quan quản lý nhà nước cần có biện pháp hỗ trợ kịp thời để nghề nuôi ngao giá ở huyện Vân Đồn phát triển bền vững.

4. KẾT LUẬN

Huyện Vân Đồn có nhiều tiềm năng lợi thế để phát triển nghề sản xuất ngao giá. Nghề nuôi ngao giá là một hướng phát triển kinh tế thủy sản mạnh của tỉnh.

Ngao giá được nuôi trong lồng nhựa có chứa cát xối, nguồn giống chủ yếu nhập từ ngoài tỉnh, mật độ giống thả 60-100 con/lồng, mùa vụ thả giống từ tháng 5 đến tháng 9. Thời gian nuôi 10-15 tháng/vụ, cỡ ngao thu hoạch 25-30 con/kg, năng suất trung bình đạt 42,7 tấn/ha, lợi nhuận trung bình đạt là 47,1%. Tuy nhiên phát triển nghề nuôi ngao giá tại Vân Đồn còn mang tính tự phát, thiếu tính bền vững, phát triển chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế sẵn có.

Trong thời gian tới để nghề sản xuất ngao giá tại Vân Đồn phát triển mạnh và bền vững, tỉnh Quảng Ninh cần thực hiện đồng bộ các giải pháp: Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức công đồng; đầu tư hợp lý cho nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật; rà soát, điều chỉnh đầy mạnh công tác quy hoạch và quản lý vùng nuôi an toàn. Thực hiện đăng ký giống mới với đối tượng ngao giá, xây dựng các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị.

LỜI CẢM ƠN

Tác giả xin trân trọng cảm ơn Chi cục Thủy sản Quảng Ninh, Phòng NN&PTNT huyện Vân Đồn đã cung cấp các số liệu; cảm ơn Khoa Thủy sản - Học

viện Nông nghiệp Việt Nam, Thạc sĩ Hà Văn Ninh – Hội Nông dân huyện Vân Đồn đã hỗ trợ và giúp đỡ trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Groves, R., F. Fowler, M. Couper, J. Lepkowski, E. Singer và R. Tourangeau (2004). Survey Methodology. Wiley Series in Survey Methodology.
2. Huỳnh Văn Hiến và Lê Xuân Sinh (2014). Phân phối lợi ích và chi phí trong chuỗi giá trị nghêu trắng (*Meretrix lyrata* Sowerby, 1851) ở tỉnh Trà Vinh. Bài viết tham gia Hội thảo mối liên hệ giữa rừng ngập mặn và nguồn lợi nghêu, ngày 18/11/2014, thành phố Hồ Chí Minh. Viện Sinh học nhiệt đới. Thành phố Hồ Chí Minh, trang 110-120.
3. Lê Văn Khôi và Lê Thanh Ghi, 2015. Ảnh hưởng của mật độ đến sinh trưởng, tỷ lệ sống, năng suất và hiệu quả kinh tế của nghêu (*Meretrix lyrata*) nuôi thương phẩm trong ao đất. Tạp chí Khoa học và Phát triển, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội. 13(2): trang 192-199.
4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Vân Đồn (2017). Báo cáo thống kê nông nghiệp năm 2017. 4 trang.
5. Thiệu Văn Thành (2013). Nghiên cứu hiện trạng và đề xuất giải pháp phát triển nghề nuôi tu hải

(*Lutraria rhyncaena*) tại huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Luận văn Thạc sĩ. Đại học Nha Trang. 58 trang.

6. Bùi Đắc Thuyết, Trần Văn Dũng (2013). Hiện trạng nghề nuôi ngao ở một số tỉnh ven biển miền Bắc và Bắc Trung bộ, Việt Nam. Tạp chí Khoa học và Phát triển. Tập 1 (số 7): trang 972-980. www.hua.edu.vn
7. UBND tỉnh Quảng Ninh (2016). Quyết định số 4209/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ninh về phê duyệt quy hoạch phát triển ngành thủy sản tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, ngày 15 tháng 12 năm 2016.
8. UBND huyện Vân Đồn (2016). Báo cáo Quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản huyện Vân Đồn giai đoạn 2020-2030.
9. UBND huyện Vân Đồn (2018). Báo cáo số 55/BC-NNPTNN của Phòng NN&PTNT huyện Vân Đồn về kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngày 31 tháng 05 năm 2018.
10. Yamane T (1967). Statistics: An introductory Analysis. 2nd edition, Harper & Row. New York. pp 886 - 887.

TECHNICAL STATUS AND THE SOLUTION OF DEVELOPMENT FORTURGID CLAM (*Tapes conspersus*) FARMING IN VAN DON DISTRICT, QUANG NINH PROVINCE

Thai Thanh Binh, Tran Ngoc Anh

Summary

Van Don is an island district of Quang Ninh province with great potential for mollusc culture. Turgid clam or called "Ngao hai cui" (*Tapes conspersus* Gmelin, 1791) is new aquaculture and highly value species in Van Don district. This paper presents the results of survey on the current status of Turgid clam culture techniques in Van Don district. Almost of farmers claimed that there was no published technology for Turgid clam culture. Farmers mainly relied on experiences and techniques of raising Otter snub clam to apply for Turgid clam farming. Turgid clam was raised in a round or oval plastic cage containing porous sand. The Turgid clam cages were placed in low tidal around the islands. The average area of each household involved in Turgid clam culture was 2.0 ± 1.42 ha/household with from 20,000 - 70,000 cages/household, the stocking density was from 60-100 seed/cage. Over 96% of the Turgid clam seed in Van Don were imported from Khanh Hoa province and China with the seed size of about 0.8-1.2 cm/individual. Time for culturing Turgid clam was from 11 to 15 months/crop, market size of clam is from 25-30 individual/kg. Average of survival rate was about 61.02%. The major market of Turgid clam is China, while domestic market is partly consumption. The study has proposed a number of solutions to develop sustainably Turgid clam farming in Van Don district.

Từ khóa: Turgid clam, Van Don, Molluscs raising techniques.

Người phản biện: TS. Bùi Thế Anh

Ngày nhận bài: 01/02/2019

Ngày thông qua phản biện: 4/3/2019

Ngày duyệt đăng: 11/3/2019